

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG
TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 168/2024/HSST
Ngày 11-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG
TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hải**

Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa –
Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông **Trần Văn Q** – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu,
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 139/
2024/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
216/2024/HSST-QĐXX ngày 31 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Đại P, sinh năm: 1985, tại **TP. Hà Nội**; hộ khẩu thường trú: **thôn T, xã
P, huyện B, TP. Hà Nội**, chỗ ở: **114 đường C, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu**; nghề nghiệp: **Làm bếp**; trình độ văn hoá: **12/12**; quốc tịch: **Việt Nam**;
dân tộc: **Kinh**; giới tính: **Nam**; bố: **Trần Quang P1** và mẹ: **Nguyễn Thị T**; vợ:
Nguyễn Thị Hiền L và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; tiền án:
Không; tiền sự: Không; đang tại ngoại, hiện trú tại: **A đường C, phường T, thành
phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Triệu Thị Ngọc H**, sinh năm: 1972. Địa chỉ: **Thôn D, xã L, thành phố
V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**. (Vắng mặt)

2. Bà **Đặng Thị Kim Y**, sinh năm: 1967. Địa chỉ: **A đường L, Phường A,
thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**. (Vắng mặt)

3. Bà **Lê Thị Kim A**, sinh năm: 1984. Địa chỉ: **7 đường C, Phường A, thành
phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**. (Vắng mặt)

4. Ông **Cái Minh H1**, sinh năm: 1978. Địa chỉ: **Tổ D, Thôn A, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.** (Vắng mặt)

5. Ông **Lê Tùng L1**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: **B đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)**

6. Ông **Phạm Văn T1**, sinh năm: 1980. Địa chỉ: **3 đường N, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.** (Vắng mặt)

7. Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm: 1978. Địa chỉ: **1 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.** (Vắng mặt)

8. Chị **Thạch Thị Na R**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Phòng trọ **hẻm H đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.** (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 07giờ 30phút ngày 19/9/2023, **Công an P2, Công an thành phố V** tuần tra phát hiện bị cáo **Trần Đại P** và **Chu Quang A1** (sinh năm: 2000, trú tại: **thôn T, xã P, huyện B, thành phố Hà Nội**) đang có hành vi nghi vấn cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên đã triệu tập về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo **Trần Đại P** khai nhận: Do không có việc làm ổn định nên khoảng đầu tháng 7/2023, bị cáo **P** nảy sinh ý định dùng số tiền cá nhân tích góp được để cho vay lấy lãi trên địa bàn **thành phố V**. Thực hiện ý định này, bị cáo **P** in các tờ rơi với nội dung “Cho vay tiền liên hệ 0933666049” và đi dán tại các tuyến đường thuộc **thành phố V** để tìm khách hàng. Ngoài ra, bị cáo **P** còn tham gia trang Web “Vay tiền online” để tuyển cộng tác viên kiếm thêm khách hàng. Từ tháng 7/2023 đến ngày 19/9/2023, bị cáo **P** đã cho 26 khách hàng vay tiền, với phương thức sau khi khách liên hệ vay tiền, bị cáo **P** sẽ hỏi thông tin, địa chỉ và hẹn gặp trực tiếp tại nơi ở hoặc nơi làm việc để kiểm tra các thông tin nhân thân trong giấy tờ của người vay. Sau khi kiểm tra xác định các thông tin người vay là đúng và nhận định người vay có khả năng trả được tiền vay theo thỏa thuận thì sẽ tiến hành cho vay. Bị cáo **P** áp dụng mức lãi suất từ 20% đến 25%/tổng số tiền vay, thời hạn trả góp dần số tiền vay và tiền lãi trong chu kỳ vay từ 22 ngày đến 31 ngày, bắt đầu kể từ ngày vay tiền. Trường hợp người vay đáo hạn thì sẽ phải sử dụng số tiền mới vay được để thanh toán xong toàn bộ số tiền vay trước đó rồi mới được vay tiếp. Ngoài tiền lãi và tiền gốc phải trả thì bị cáo **P** còn thu thêm của khách hàng tiền phí xăng xe, điện thoại. Toàn bộ việc cho vay tiền và thu tiền từ người vay, bị cáo **Trần Đại P** đưa và thu trực tiếp bằng tiền mặt. Từ tháng 7/2023 đến ngày 19/9/2023, bị cáo **P** khai nhận đã cho 26 người vay tiền trên địa bàn **thành phố V**, nhưng đến nay Cơ quan Cảnh sát Điều tra mới xác minh làm rõ được với 07 người vay, cụ thể:

1. Bà **Triệu Thị Ngọc H:**

Ngày 09/7/2023 vay số tiền 30.000.000đồng, tiền lãi thỏa thuận là 6.000.000đồng, tiền phí là 1.500.000đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày 1.500.000đồng (tương đương với mức lãi suất 0,833%/ngày (304%/năm), gấp 15 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm). Bà **H** đã trả số tiền là 17.500.000đồng, trong đó tiền lãi 2.915.000đồng, hiện còn nợ 18.500.000đồng. Tiền lãi tính theo lãi suất cao nhất theo quy định là 191.671đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính là $(2.915.000\text{đồng} - 191.671\text{đồng}) + 1.500.000\text{đồng} = 4.223.329\text{đồng}$.

2. Bà **Đặng Thị Kim Y** vay 03 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 20/7/2023 vay số tiền 10.000.000đồng, tiền lãi thỏa thuận là 2.500.000đồng, tiền phí là 1.000.000đồng, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000đồng (tương đương với mức lãi suất 1%/ngày (365%/năm), gấp 18,25 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Bà **Y** đã trả toàn bộ số tiền 13.500.000 đồng. Số tiền lãi tính theo lãi suất cao nhất quy định là 136.986đồng. Như vậy, số tiền bị cáo **P** thu lợi bất chính là $(2.500.000\text{đồng} - 136.986\text{đồng}) + 1.000.000\text{đồng} = 3.363.014\text{đồng}$.

- Lần thứ hai: Ngày 15/8/2023 tiếp tục vay số tiền 10.000.000đồng với mức lãi suất, thời gian trả góp, tiền phí dịch vụ như lần thứ nhất. Bà **Y** đã trả toàn bộ số tiền 13.500.000đồng. Như vậy, số tiền bị cáo **P** thu lợi bất chính là 3.363.014đồng.

- Lần thứ ba: Ngày 10/9/2023 tiếp tục vay số tiền 10.000.000đồng với mức lãi suất, thời gian trả góp, tiền phí dịch vụ như 02 lần trước. Tuy nhiên, bà **Y** mới trả được 10 ngày, với số tiền 5.000.000đồng, trong đó tiền lãi là 1.000.000đồng, hiện còn nợ 8.500.000đồng. Số tiền lãi tính theo lãi suất cao nhất quy định là 54.795đồng. Như vậy, số tiền bị cáo **P** thu lợi bất chính là $(1.000.000\text{đồng} - 54.795\text{đồng}) + 1.000.000\text{đồng} = 1.945.205\text{đồng}$.

Tổng số tiền bị cáo **Trần Đại P** thu lợi bất chính từ việc cho bà **Đặng Thị Kim Y** vay tiền là 8.671.233 đồng.

3. Ông **Cái Minh H1**:

Ngày 01/9/2023 vay số tiền 10.000.000đồng, tiền lãi thỏa thuận là 2.400.000 đồng, tiền phí là 500.000đồng, trả góp trong 31 ngày, mỗi ngày 400.000đồng (tương đương với mức lãi suất 0,774%/ngày (282%/năm), gấp 14 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Ông **H1** đã trả được 20 ngày với số tiền 8.000.000đồng, trong đó tiền lãi là 1.548.387đồng, hiện còn nợ 4.400.000đồng. Số tiền tính theo lãi suất cao nhất quy định là 109.589đồng. Như vậy, số tiền bị cáo **P** thu lợi bất chính là $(1.548.387\text{đồng} - 109.589\text{đồng}) + 500.000\text{đồng} = 1.938.798\text{đồng}$.

4. Ông **Lê Tùng L1** vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 15/8/2023 vay số tiền 3.000.000đồng, tiền lãi thỏa thuận là 600.000đồng, tiền phí dịch vụ là 200.000đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000đồng (tương đương với mức lãi suất 0,833%/ngày (304%/năm), gấp 15 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Tuy nhiên, ông **L1** trả tiền

gốc và lãi sớm trước hạn 02 ngày nên được bị cáo **P** cho 50.000đồng nên số tiền lãi còn lại là 550.000đồng. Số tiền tính theo lãi suất cao nhất quy định là 36,164đồng. Như vậy, số tiền bị cáo **P** thu lợi bất chính là $(550.000\text{đồng} - 36,164\text{đồng}) + 200.000\text{đồng} = 713.836\text{đồng}$.

- Lần thứ hai: Ngày 12/9/2023 tiếp tục vay số tiền 9.000.000đồng, tiền lãi thỏa thuận là 1.000.000đồng, trả góp trong 20 ngày, mỗi ngày 500.000đồng (tương đương với mức lãi suất 0,555%/ngày (202%/năm), gấp 10 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự), trong lần vay này bị cáo **P** không lấy phí dịch vụ. Tuy nhiên, ông **L1** trả tiền gốc và lãi cho bị cáo **P** sớm trước hạn nên được bị cáo **P** cho 500.000đồng. Số tiền tính theo lãi suất cao nhất quy định là 98.630đồng. Như vậy, số tiền bị cáo **P** thu lợi bất chính là $500.000\text{đồng} - 98.630\text{đồng} = 401.370\text{đồng}$.

Tổng số tiền bị cáo **Trần Đại P** thu lợi bất chính từ việc cho ông **Lê Tùng L1** vay tiền là 1.115.206đồng.

5. Ông **Phạm Văn T1**:

Ngày 18/9/2023 vay số tiền 3.000.000đồng, tiền lãi thỏa thuận là 600.000đồng, tiền phí là 300.000đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000đồng (tương đương với mức lãi suất 0,833%/ngày (304%/năm), gấp 15 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Ông **T1** mới trả được 02 ngày với số tiền 600.000đồng, trong đó tiền lãi là 50.000đồng, còn nợ 3.300.000đồng. Số tiền tính theo lãi suất cao nhất quy định là 3.288đồng. Như vậy, số tiền bị cáo **P** thu lợi bất chính là $(50.000\text{đồng} - 3.288\text{đồng}) + 300.000\text{đồng} = 346.712\text{đồng}$.

6. Bà **Lê Thị Kim A** vay 04 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 14/7/2023 vay số tiền 10.000.000đồng, tiền lãi thỏa thuận là 2.500.000đồng, tiền phí dịch vụ là 500.000đồng, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000đồng (tương đương với mức lãi suất 1%/ngày (365%/năm), gấp 18,25 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Bà **Kim A** đã trả toàn bộ số tiền 13.000.000đồng. Số tiền tính theo lãi suất cao nhất quy định là 136.986đồng. Như vậy, số tiền bị cáo **P** thu lợi bất chính là $(2.500.000\text{đồng} - 136.986\text{đồng}) + 500.000\text{đồng} = 2.863.014\text{đồng}$.

- Lần thứ hai: Ngày 27/7/2023 tiếp tục vay số tiền 10.000.000đồng với mức lãi suất, thời gian trả góp, tiền phí dịch vụ như lần thứ nhất. Tuy nhiên, trong lần vay này bà **Kim A** đã đóng trễ 01 ngày và bị phạt số tiền 500.000đồng. Bà **Kim A** đã trả toàn bộ số tiền 13.500.000đồng. Như vậy, số tiền bị cáo **P** thu lợi bất chính là $2.863.014\text{đồng} + 500.000\text{đồng} = 3.363.014\text{đồng}$.

- Lần thứ ba: Ngày 11/8/2023 tiếp tục vay số tiền 10.000.000đồng với mức lãi suất, thời gian trả góp, tiền phí dịch vụ như lần thứ nhất và lần thứ hai. Tuy nhiên, trong lần vay này bà **Kim A** đã đóng trễ 02 ngày và bị phạt số tiền 1.000.000đồng. Bà **Kim A** đã trả toàn bộ số tiền 14.000.000đồng. Như vậy, số tiền bị cáo **P** thu lợi bất chính là $2.863.014\text{đồng} + 1.000.000\text{đồng} = 3.863.014\text{đồng}$.

- Lần thứ tư: Ngày 11/8/2023 tiếp tục vay số tiền 10.000.000đồng với mức lãi suất, thời gian trả góp, tiền phí dịch vụ như 03 lần trước. Tuy nhiên, trong lần vay này bà Kim A đã đóng trễ 01 ngày và bị phạt số tiền 500.000đồng. Bà Kim A đã trả toàn bộ số tiền 13.500.000đồng. Như vậy, số tiền bị cáo P thu lợi bất chính là 2.863.014đồng + 500.000đồng = 3.363.014đồng.

Tổng số tiền bị cáo Trần Đại P thu lợi bất chính từ việc cho bà Lê Thị Kim A vay tiền là 13.452.056 đồng.

7. Ông Nguyễn Văn T2 vay 02 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 8/2023 vay số tiền 10.000.000đồng, tiền lãi thỏa thuận là 2.500.000đồng, tiền phí dịch vụ là 500.000đồng, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000đồng (tương đương với mức lãi suất 1%/ngày (365%/năm), gấp 18,25 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Ông T2 đã trả toàn bộ số tiền 13.000.000đồng. Số tiền tính theo lãi suất cao nhất quy định là 136.986đồng. Như vậy, số tiền bị cáo P thu lợi bất chính là (2.500.000đồng - 136.986đồng) + 500.000đồng = 2.863.014đồng.

- Lần thứ hai: Trong tháng 8/2023 tiếp tục vay số tiền 10.000.000đồng với mức lãi suất, thời gian trả góp, tiền phí dịch vụ như lần thứ nhất. Ông T2 đã trả toàn bộ số tiền 13.000.000đồng. Như vậy số tiền tiền P thu lợi bất chính là 2.863.014đồng.

Tổng số tiền bị cáo Trần Đại P thu lợi bất chính từ việc cho ông Nguyễn Văn T2 vay tiền là 5.726.028đồng.

Như vậy, bị cáo Trần Đại P cho 07 người vay tiền gồm: Bà Triệu Thị Ngọc H, bà Đặng Kim Y, ông Cái Minh H1, ông Lê Tùng L1, ông Phạm Văn T1, bà Lê Thị Kim A và ông Nguyễn Văn T2, với tổng số tiền gốc là 145.000.000đồng; số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự bị cáo Trần Đại P đã thu là 1.590.025đồng; số tiền thu lợi bất chính bị cáo Trần Đại P đã thu từ việc cho vay là 35.473.360 đồng.

Cách tính mức lãi suất, tiền lãi, thu lợi bất chính cụ thể như sau:

- Lãi suất mỗi ngày = Lãi suất thỏa thuận/số tiền vay/chu kỳ vay x 100%
- Tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự = 20%/365ngày x số tiền vay x số ngày trả.
- Tiền thu lợi bất chính = (Tiền lãi đã thu – Tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định) + Tiền phí dịch vụ + Tiền phạt.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại Iphone 12 Promax, màu xám đen, kết quả điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 17/4/2024, Viện KSND thành phố V ra Quyết định trả lại tài sản cho Trần Đại P.

- 01 điện thoại di động di động Iphone 11 Promax, màu xám đen, số IMEI: 353890105064726 và 01 xe Honda Vision, màu xám, BKS: 84G1-503.86 chuyển Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu tiếp tục bảo quản chờ xử lý.

* Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị cáo không có ý kiến và yêu cầu gì.

Bản cáo trạng số 123/CT-VKSVT ngày 17-4-2024, Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Vũng Tàu đã truy tố bị cáo **Trần Đại P** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đối với đối tượng **Chu Quang A1**, kết quả điều tra xác định **Chu Quang A1** không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo **Trần Đại P** nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với 19 người vay còn lại chưa xác minh được nhân thân lai lịch, tiếp tục làm rõ để xử lý sau.

Tại phiên tòa:

Bị cáo **Trần Đại P** đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo **Trần Đại P** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Đại P** số tiền từ 50.000.000đồng đến 60.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên không xem xét. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo **Trần Đại P** phải nộp lại số tiền gốc cho vay là 145.000.000đồng và tổng số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.590.025đồng. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax và 01 xe Honda Vision, màu xám, BKS: 84G1-503.86 đã thu giữ của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Xét thấy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến quá trình xét xử và nội dung vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo **Trần Đại P** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2023 đến ngày 19/9/2023, bị cáo **Trần Đại P** đã cho 26 người vay tiền, trong đó mới làm việc được 07 người gồm: Bà **Triệu Thị Ngọc H**, bà **Đặng Kim Y**, bà **Lê Thị Kim A**, ông **Cái Minh H1**, ông **Lê Tùng L1**, ông **Phạm Văn T1** và ông **Nguyễn Văn T2**; tổng số tiền gốc cho vay là 145.000.000đồng, với lãi suất từ 202% đến 365%/năm, cao gấp 10 đến 18,25 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm); số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo **Trần Đại P** đã thu là 1.590.025đồng; số tiền thu lợi bất chính bị cáo **Trần Đại P** có được từ việc cho vay là 35.473.360đồng.

Hành vi cho vay với mức lãi suất cao gấp từ 10 đến 18 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự năm 2015 quy định và thu lợi bất chính số tiền 35.473.360đồng mà bị cáo **Trần Đại P** đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến lĩnh vực hoạt động tín dụng, Ngân hàng do Nhà nước trực tiếp quản lý; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương và xã hội nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung về tội phạm xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Áp dụng hình phạt tiền quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị cáo không có yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về các biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo **Trần Đại P** phải nộp lại số tiền gốc 145.000.000đồng đã cho vay và số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Pháp luật mà bị cáo đã nhận là 1.590.025đồng (tổng là 145.000.000đ + 1.590.025đ = 146.590.025đồng) để sung

vào ngân sách Nhà nước vì đây là công cụ bị cáo phạm tội và có được do hành vi phạm tội.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động di động Iphone 11 Promax, màu xám đen vì có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- Đối với xe Honda Vision, màu xám, BKS: 84G1-503.86, qua xác minh xác định: Xe này do chị **Thạch Thị Na R**, sinh năm: 1990, Hộ khẩu thường trú: **B, T, T, Trà Vinh** đứng tên chủ sở hữu. Chị **Thạch Thị Na R** xác định đã bán xe này cho bị cáo **Trần Đại P** từ năm 2023. Chị **Thạch Thị Na R** không có ý kiến và yêu cầu gì đối với chiếc xe này. Bị cáo **Trần Đại P** đã sử dụng chiếc xe này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Đại P** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Đại P** số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo **Trần Đại P** phải nộp lại số tiền 146.590.025đ (Một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm chín mươi ngàn không trăm hai mươi lăm đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại di động di động Iphone 11 Promax, màu xám đen, số IMEI: 353890105064726

- 01 xe Honda Vision, màu xám, BKS: 84G1-503.86, số khung: RLHJF5810GY958077, số máy: JF66E1059853

Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 174/BB-CCTHADS ngày 26/4/2024.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo **Trần Đại P** phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng)

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Tp.Vũng Tàu;
- Công An Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.Vũng Tàu;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Kiên